

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022
đã được soát xét*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	6 – 44
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ hiện tại là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ giao dịch: Tầng 20 Tòa nhà Handico Tower, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2022
Ông Đặng Ngọc Tuấn Hiệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2022
Bà Hoàng Thị Hồng Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2022

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Việt Hà	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2022
Ông Nguyễn Anh Văn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022
Bà Hoàng Thị Hồng Nhung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022
Ông Phạm Tuấn Vũ	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hà

Số : 205/2022/ BCSX - AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.648.983.667.469	1.356.405.862.100
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	78.769.897.214	68.542.121.709
1.	Tiền	111		67.769.897.214	61.698.846.709
2.	Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	6.843.275.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	24.120.000.000	15.120.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.120.000.000	15.120.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.181.233.191.434	1.070.118.544.767
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	395.513.667.103	369.167.260.311
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	788.980.904.879	750.899.985.840
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	153.821.805.695	107.134.484.859
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(157.083.186.243)	(157.083.186.243)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.08	289.466.933.513	141.398.941.405
1.	Hàng tồn kho	141		289.466.933.513	141.398.941.405
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		75.393.645.308	61.226.254.219
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	1.789.201.137	1.408.996.186
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		57.564.154.165	46.939.480.317
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	16.040.290.006	12.877.777.716
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		310.914.317.408	296.578.530.897
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		58.337.782.185	58.077.782.185
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	58.105.282.185	57.845.282.185
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.06	232.500.000	232.500.000
II.	Tài sản cố định	220		22.877.599.186	9.458.696.149
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	19.427.315.097	5.744.207.514
	- Nguyên giá	222		56.217.053.799	41.546.951.032
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(36.789.738.702)	(35.802.743.518)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	3.450.284.089	3.714.488.635
	- Nguyên giá	225		4.227.272.727	4.227.272.727
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(776.988.638)	(512.784.092)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
	- Nguyên giá	228		225.470.000	225.470.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(225.470.000)	(225.470.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	226.464.099.555	228.638.974.821
1.	Đầu tư vào công ty con	251		145.952.000.000	145.952.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		57.978.649.354	57.978.649.354
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.821.068.339	3.821.068.339
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.287.618.138)	(1.001.258.696)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.000.000.000	21.888.515.824
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.234.836.482	403.077.742
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	3.234.836.482	403.077.742
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.959.897.984.877	1.652.984.392.997

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.441.012.828.283	1.136.688.971.674
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.381.592.952.543	1.087.078.218.160
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	298.703.713.006	267.639.844.999
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	544.059.351.444	516.533.236.264
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.977.572.716	449.804.627
4.	Phải trả người lao động	314		5.353.246.286	5.362.057.786
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	92.774.192.384	85.744.226.944
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	2.129.896.651	2.113.870.644
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	170.248.859.878	69.052.180.778
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	264.700.795.104	138.097.171.044
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.645.325.074	2.085.825.074
II.	Nợ dài hạn	330		59.419.875.740	49.610.753.514
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.19	48.554.266.336	47.903.080.982
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	10.865.609.404	1.707.672.532
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		518.885.156.594	516.295.421.323
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.20	518.885.156.594	516.295.421.323
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		52.625.676.545	52.625.676.545
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(543.000.000)	(543.000.000)
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(9.322.701)	5.835.678
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		19.544.113.527	19.544.113.527
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.187.689.223	25.582.795.573
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		25.582.795.573	17.105.980.934
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		2.604.893.650	8.476.814.639
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.959.897.984.877	1.652.984.392.997

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Giang Thanh

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Vũ



Nguyễn Việt Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	462.348.669.814	380.883.957.971
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	70.041.818
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		462.348.669.814	380.813.916.153
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	443.433.353.568	370.155.921.540
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.915.316.246	10.657.994.613
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	9.861.881.003	8.391.134.801
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	5.599.842.145	555.444.142
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.313.482.703	555.444.142
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	22.078.073.031	16.023.440.433
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.099.282.073	2.470.244.839
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	1.643.236.431	1.876.919.402
12.	Chi phí khác	32	VI.07	137.624.854	1.105.470.554
13.	Lợi nhuận khác	40		1.505.611.577	771.448.848
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.604.893.650	3.241.693.687
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.604.893.650	3.241.693.687

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Giang Thanh



Phạm Tuấn Vũ



Nguyễn Việt Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		449.254.035.895	802.273.609.443
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(561.033.069.626)	(765.082.806.367)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.614.859.669)	(17.325.660.907)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(5.223.813.209)	(593.127.261)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(380.532.240)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		97.921.405.862	3.322.471.077
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(61.934.796.502)	(2.230.996.566)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(111.011.629.489)	20.363.489.419
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(14.618.603.767)	(200.216.250)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.000.000.000)	(3.337.200.691)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.986.118.461	12.796.723.807
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.770.733.569	7.589.146.767
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.861.751.737)	16.848.453.633

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		243.812.100.136	31.118.290.893
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(108.263.807.797)	(62.036.762.324)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(445.479.792)	(445.479.792)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.195.900)	(4.167.147.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		135.080.616.647	(35.531.098.723)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.207.235.421	1.680.844.329
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		68.542.121.709	238.737.915.322
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20.540.084	(16.686.499)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		78.769.897.214	240.402.073.152

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Giang Thanh



Phạm Tuấn Vũ



Nguyễn Việt Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là xây dựng. Do đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty phụ thuộc vào thời gian thực hiện hợp đồng với chủ đầu tư.

05. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong kỳ, không có sự kiện hay hoạt động nào có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.

06. Cấu trúc doanh nghiệp**06.1 Tổng Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:**

Đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ
-Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP - Xí nghiệp Thăng Long 5	Số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
-Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Số 127B, Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
-Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại Campuchia	Meun, Spean Thma, Kandal Stueng, Kandal, 8370, Cambodia

06.2 Thông tin về Công ty con

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2022
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Số 89, phố Thịnh Liệt, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	82,65%
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	65,00%
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	(*)

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

- Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long – CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 5 năm 2002. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 49,41%.
- Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (Hợp đồng BOT) về dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao vực Vòng giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 27 tháng 2 năm 2015. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 70%.

06.3 Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2022
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long (*)	Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	45,55%
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long - Mê Kông	Xã Xuân Đĩnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Khu phố ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	(**)

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty ký kết hợp đồng mua lại phần vốn góp của Mitsui E&C Holding Co., Ltd tại Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long và chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp hiện có và hình thành trong tương lai cho ông Lê Tú. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, thủ tục nhận chuyển nhượng và chuyển nhượng phần vốn tại Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long của Tổng Công ty chưa hoàn tất.

(**) Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao về dự án Đường 188 đoạn An Thái – Mạo Khê giữa Sở giao thông vận tải Hải Dương và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội. Vốn góp của Tổng công ty vào dự án là 17.884.300.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 22,03%.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện theo từng công trình, hạng mục. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp cung cấp và hoàn thành trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.359.403.638	1.903.286.894
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66.410.493.576	59.795.559.815
- Các khoản tương đương tiền (*)	11.000.000.000	6.843.275.000
Cộng	78.769.897.214	68.542.121.709

(*): Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,0%/năm đến 3,3%/năm.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
a1. Ngắn hạn	24.120.000.000	24.120.000.000	15.120.000.000	15.120.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn ^(a)	24.120.000.000	24.120.000.000	15.120.000.000	15.120.000.000
a2. Dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	21.888.515.824	21.888.515.824
+ Tiền gửi có kỳ hạn ^(b)	20.000.000.000	20.000.000.000	21.888.515.824	21.888.515.824
Cộng	44.120.000.000	44.120.000.000	37.008.515.824	37.008.515.824

(a): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,9%/năm.

(b): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 4,8%/năm.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con			145.952.000.000		(286.359.442)			145.952.000.000		-
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	82,65	82,65	33.058.000.000	(*)	-	82,65	82,65	33.058.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	65,00	65,00	3.250.000.000	(*)	(286.359.442)	65,00	65,00	3.250.000.000	(*)	-
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh (**)	64,30	64,30	109.644.000.000	(*)	-	64,30	64,30	109.644.000.000	(*)	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			57.978.649.354		(1.001.258.696)			57.978.649.354		(1.001.258.696)
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long (***)	45,55	45,55	27.797.662.360	(*)	-	45,55	45,55	27.797.662.360	(*)	-
- Công ty TNHH BOT đường 188	22,03	22,03	17.844.300.000	(*)	-	22,03	22,03	17.844.300.000	(*)	-
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long - Mê Kông	49,00	49,00	12.336.686.994	(*)	(1.001.258.696)	49,00	49,00	12.336.686.994	(*)	(1.001.258.696)
Đầu tư vào đơn vị khác			3.821.068.339		-			3.821.068.339		-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	16,16	16,16	1.807.850.307	(*)	-	16,16	16,16	1.807.850.307	(*)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	16,89	16,89	300.000.000	(*)	-	16,89	16,89	300.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	15,00	15,00	1.713.218.032	(*)	-	15,00	15,00	1.713.218.032	(*)	-
Cộng			207.751.717.693		(1.287.618.138)			207.751.717.693		(1.001.258.696)

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) : Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này.
- (**) : Tổng Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh theo hai giai đoạn (chi tiết tại thuyết minh số I.06.2). Trong đó: vốn đầu tư giai đoạn 1 là 23.313.000.000 đồng đã được Tổng Công ty thu hoàn vốn đầu tư (phản ánh trên khoản mục Phải trả khác) chờ quyết toán với đối tác trong dự án BOT và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- (***) : Trong kỳ, Tổng Công ty ký kết hợp đồng mua lại phần vốn góp của Mitsui E&C Holding Co., Ltd tại Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long và chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp hiện có và hình thành trong tương lai cho ông Lê Tú. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, thủ tục nhận chuyển nhượng và chuyển nhượng phần vốn tại Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long của Tổng Công ty chưa hoàn tất.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

Tên Công ty con, liên kết, liên doanh và nội dung giao dịch	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ	6.527.798.185	4.037.247.676
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	325.000.000	195.000.000
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long	3.769.783.539	1.992.767.264
- Công ty TNHH BOT đường 188	2.433.014.646	1.849.480.412
Doanh thu trong kỳ	2.264.855.798	1.207.639.895
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	1.744.399.720	386.303.559
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	191.830.910	305.881.000
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long	174.937.500	208.080.000
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long – Mê Kông	153.687.668	307.375.336
Chi phí thuê phụ	78.834.108.211	105.850.082.177
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	78.834.108.211	64.663.571.878
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	-	41.186.510.299
Lãi từ tiền ứng trước hợp đồng thuê phụ	-	119.964.191
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	-	119.964.191
Lãi từ tiền cho vay	959.899.089	950.500.411
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	959.899.089	950.500.411
Trích lập dự phòng khoản đầu tư	286.359.442	-
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	286.359.442	-

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	395.513.667.103	369.167.260.311
- Phải thu của khách hàng lĩnh vực xây dựng	337.543.697.978	328.933.872.691
- Phải thu của khách hàng lĩnh vực khác	57.969.969.125	40.233.387.620
Cộng	395.513.667.103	369.167.260.311

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long
 - Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh
 - Công ty Cổ phần Tasco
 - Công ty TNHH Bê tông Thăng Long - Mê Kông
- Cộng**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
<u>24.882.572.917</u>	<u>80.624.596.562</u>
1.981.898.869	1.908.967.369
5.940.883.346	5.940.883.346
16.790.734.267	72.574.745.847
169.056.435	200.000.000
<u>24.882.572.917</u>	<u>80.624.596.562</u>

04. Trả trước cho người bán**a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

- Trả trước cho người bán lĩnh vực xây dựng
 - Trả trước cho người bán lĩnh vực khác
- Cộng**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
<u>788.980.904.879</u>	<u>750.899.985.840</u>
754.075.722.647	714.660.283.238
34.905.182.232	36.239.702.602
<u>788.980.904.879</u>	<u>750.899.985.840</u>

b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long
 - Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long
- Cộng**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
<u>55.685.785.602</u>	<u>41.075.008.142</u>
37.091.861.724	32.662.403.142
18.593.923.878	8.412.605.000
<u>55.685.785.602</u>	<u>41.075.008.142</u>

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn	58.105.282.185	-	57.845.282.185	-
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh ^(a)	45.929.482.185	-	45.929.482.185	-
- Công ty TNHH Liên danh Ilsung & Cienco I ^(b)	12.175.800.000	-	11.915.800.000	-
Cộng	58.105.282.185	-	57.845.282.185	-

(a): Theo hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐVV/TLG-BOT ngày 01 tháng 4 năm 2018, thời hạn 96 tháng và Hợp đồng số 08/2019/HĐVV.TLG-BOTYL ngày 10 tháng 12 năm 2019, thời gian vay là 84 tháng, lãi suất áp dụng theo lãi suất của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu tại thời điểm giải ngân.

(b): Là khoản cho Công ty TNHH Liên danh Ilsung & Cienco I vay để thực hiện dự án: “Nâng cấp đường Quốc lộ 5 (Đoạn Thlea Ma’am – Battambang và Sri Sophorn - Poipet”).

06. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	153.821.805.695	-	107.134.484.859	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.407.626.919	-	10.082.626.919	-
- Tạm ứng	98.721.740.952	-	77.684.926.475	-
- Phải thu khác	44.692.437.824	-	19.366.931.465	-
+ Ban điều hành dự án	11.806.178.290	-	10.819.108.721	-
+ Lãi dự thu	974.983.118	-	266.337.410	-
+ Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui Thăng Long ^(*)	21.909.804.638	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	10.001.471.778	-	8.281.485.334	-
b. Dài hạn	232.500.000	-	232.500.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	232.500.000	-	232.500.000	-
Cộng	154.054.305.695	-	107.366.984.859	-

(*) Là khoản tiền chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui Thăng Long (Mitsui) để mua lại phần vốn góp của Mitsui E&S Holding Co., Ltd (MES) tại Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui Thăng Long (TTL) theo hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa MES và TTL. Theo các điều khoản của hợp đồng, sau khi các thủ tục pháp lý về chuyển đổi tên và hình thức sở hữu vốn của Mitsui được hoàn tất, khoản tiền chuyển nhượng sẽ được chuyển từ tài khoản của Mitsui về tài khoản của MES.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công nợ trả trước cho người bán	144.887.349.727	-	144.887.349.727	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	10.411.497.465	-	10.411.497.465	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	35.587.816.315	-	35.587.816.315	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	59.847.596.152	-	59.847.596.152	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Vũ	17.649.396.088	-	17.649.396.088	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số mười bảy Thăng Long	14.135.917.492	-	14.135.917.492	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	7.067.562.295	-	7.067.562.295	-
- Các đối tượng khác	187.563.920	-	187.563.920	-
	10.927.007.836	-	10.927.007.836	-
Công nợ phải thu của khách hàng				
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	1.094.402.758	-	1.094.402.758	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	7.197.552.325	-	7.197.552.325	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	2.635.052.753	-	2.635.052.753	-
	1.268.828.680	-	1.268.828.680	-
Công nợ phải thu khác				
- Công ty Cổ phần Xây dựng số mười bảy Thăng Long	1.241.961.126	-	1.241.961.126	-
- Các đối tượng khác	26.867.554	-	26.867.554	-
Cộng	157.083.186.243	-	157.083.186.243	-

08. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	289.466.933.513	-	141.398.941.405	-
Cộng	289.466.933.513	-	141.398.941.405	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	33.984.840.058	1.458.723.070	4.783.670.554	1.319.717.350	41.546.951.032
- Mua trong kỳ	-	14.584.043.767	-	34.560.000	14.618.603.767
- Tăng khác (*)	-	42.844.200	8.654.800	-	51.499.000
- Phân loại lại	-	(11.015.200)	11.015.200	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	33.984.840.058	16.074.595.837	4.803.340.554	1.354.277.350	56.217.053.799
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	31.151.043.261	524.073.393	2.807.909.514	1.319.717.350	35.802.743.518
- Khấu hao trong kỳ	409.503.603	342.638.484	213.428.967	576.000	966.147.054
- Tăng khác (*)	-	11.435.160	9.412.970	-	20.848.130
<i>Số dư cuối kỳ</i>	31.560.546.864	878.147.037	3.030.751.451	1.320.293.350	36.789.738.702
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	2.833.796.797	934.649.677	1.975.761.040	-	5.744.207.514
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	2.424.293.194	15.196.448.800	1.772.589.103	33.984.000	19.427.315.097

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là: 33.999.857.120 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 14.584.043.767 VND và 14.358.264.865 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

(*): Tăng do chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP tại Campuchia từ ngoại tệ sang VND.

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	4.227.272.727	4.227.272.727
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	4.227.272.727	4.227.272.727
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	512.784.092	512.784.092
- Khấu hao trong kỳ	264.204.546	264.204.546
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	776.988.638	776.988.638
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	3.714.488.635	3.714.488.635
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	3.450.284.089	3.450.284.089

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	225.470.000	225.470.000
- Mua trong kỳ	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	225.470.000	225.470.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	225.470.000	225.470.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	225.470.000	225.470.000
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là: 225.470.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1.789.201.137	1.408.996.186
a. Ngắn hạn		
- Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	-	136.601.099
- Giá trị còn lại công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	1.272.395.087
- Tiền thuê đất	1.463.940.382	-
- Các khoản khác	325.260.755	-
	3.234.836.482	403.077.742
b. Dài hạn		
- Giá trị còn lại công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	3.112.061.093	115.692.386
- Các khoản khác	122.775.389	287.385.356
	5.024.037.619	1.812.073.928
Cộng		

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng ^(*)	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	138.097.171.044	138.097.171.044	235.312.911.649	108.709.287.589	264.700.795.104	264.700.795.104
- Vay ngân hàng	110.756.419.179	110.756.419.179	195.037.056.527	108.193.562.797	197.599.912.909	197.599.912.909
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội ^(a)	79.533.589.360	79.533.589.360	119.896.099.288	79.533.589.360	119.896.099.288	119.896.099.288
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hoàn Kiếm ^(b)	27.482.183.615	27.482.183.615	52.126.421.615	10.498.096.608	69.110.508.622	69.110.508.622
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Campuchia ^(c)	3.740.646.204	3.740.646.204	23.014.535.624	18.161.876.829	8.593.304.999	8.593.304.999
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	18.174.751.865	18.174.751.865	2.743.291.478	445.479.792	20.472.563.551	20.472.563.551
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành ^(e)	-	-	1.920.683.336	-	1.920.683.336	1.920.683.336
+ Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội ^(f)	890.959.584	890.959.584	445.479.792	445.479.792	890.959.584	890.959.584
+ Đối tượng khác ^(d)	17.283.792.281	17.283.792.281	377.128.350	-	17.660.920.631	17.660.920.631
- Vay đối tượng khác ^(d)	9.166.000.000	9.166.000.000	37.532.563.644	70.245.000	46.628.318.644	46.628.318.644
+ Đối tượng khác	9.166.000.000	9.166.000.000	37.532.563.644	70.245.000	46.628.318.644	46.628.318.644
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.707.672.532	1.707.672.532	11.524.100.000	2.366.163.128	10.865.609.404	10.865.609.404
- Vay ngân hàng	-	-	11.524.100.000	1.920.683.336	9.603.416.664	9.603.416.664
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành ^(e)	-	-	11.524.100.000	1.920.683.336	9.603.416.664	9.603.416.664
b.2. Nợ thuê tài chính	1.707.672.532	1.707.672.532	-	445.479.792	1.262.192.740	1.262.192.740
+ Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội ^(f)	1.707.672.532	1.707.672.532	-	445.479.792	1.262.192.740	1.262.192.740
Cộng	139.804.843.576	139.804.843.576	246.837.011.649	111.075.450.717	275.566.404.508	275.566.404.508

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) : Tăng trong kỳ gồm:

- Tăng do phát sinh vay: 243.812.100.136 đồng.
- Tăng do chuyển vay dài hạn thành vay dài hạn đến hạn trả: 2.366.163.128 đồng.
- Tăng do chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP tại Campuchia từ ngoại tệ sang VND: 658.748.385 đồng.

- (a): Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng số 01/2021/161762/HĐTDHM ngày 30 tháng 06 năm 2021. Hạn mức tín dụng là 1.300.000.000.000 đồng (trong đó hạn mức cho vay là 200.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh là 1.100.000.000.000 đồng). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức tối đa đến 15/6/2022, lãi suất vay được quy định theo từng khe ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là các khoản lợi thu được từ khai thác giá trị quyền sử dụng đất tại số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và hợp đồng tiền gửi giá trị 18.000.000.000 đồng (lãi suất 3,7%/năm) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội.
- (b): Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng số 44/2022/HĐTD/NHN ngày 12 tháng 04 năm 2022. Hạn mức vay vốn 1 là 100.000.000.000 đồng (trong đó hạn mức tín chấp tối đa là 25.000.000.000 đồng), hạn mức vay vốn 2 là 200.000.000.000 đồng (trong đó hạn mức tín chấp tối đa là 50.000.000.000 đồng). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn mỗi khoản vay trong hạn mức không vượt quá 09 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khe ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt khác đã hình thành và hình thành trong tương lai theo hợp đồng Thế chấp tài sản số 350/2020/HĐBD/NHN/04 ngày 10/11/2021 ký giữa ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm và Tổng Công ty Thăng Long - CTCP.
- (c): Là khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/134013/2021-BIDC ngày 05 tháng 02 năm 2021 và các văn bản sửa, đổi bổ sung số 01/2022/CL/HO/134013/AA01 ngày 04/02/2022 và số 02/2022/CL/HO/134013/AA02 ngày 28/04/2022 nhằm bổ sung vốn lưu động để thực hiện gói thầu số 01: Nâng cấp đường quốc lộ số 05 và xây mới đường tránh Pursat khu Thlea Ma ‘am – Pursat, Km171+200 – Km191+000, L=19,8 Km theo hợp đồng xây dựng số 01/2019/HĐXD ngày 21/8/2019 giữa Công ty TNHH liên danh Insung & Cienco I và Tổng Công ty Thăng Long – CTCP. Hạn mức cho vay 370.000 USD, thời hạn cấp tín dụng hạn 03 tháng kể từ ngày 13/5/2022 đến 13/8/2022, lãi suất 9%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ khoản phải thu Công ty TNHH liên danh Insung & Cienco I từ hợp đồng nêu trên. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2022 là: 367.000 USD.
- (d): Là các khoản vay của Chi nhánh Campuchia bao gồm:
- + Khoản vay Công ty TNHH Ilsung & Cienco 1 theo Biên bản thỏa thuận ngày 15/05/2022 về điều kiện và cam kết hỗ trợ giải ngân vốn thi công gói thầu số 1: Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 5 Campuchia. Hạn mức cho vay là 416.000 USD. Lãi suất cho vay bằng lãi suất mà Công ty TNHH Ilsung & Cienco 1 phải nhận nợ với Ngân Hàng Kookmin Bank Việt Nam. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản Tổng Công ty Thăng Long – CTCP phải thu Công ty TNHH Ilsung & Cienco 1. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2022 là: 416.000 USD, tương đương 9.740.640.000 đồng.
 - + Khoản vay ông Phan Đức Thế theo hợp đồng số 002/2021 ngày 19/5/2021, số tiền vay là 400.000 USD, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày nhận tiền, lãi suất vay 0%/năm. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2022 là: 400.000 USD, tương đương 9.366.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

+ Khoản vay ông Nguyễn Anh Văn theo hợp đồng ngày 30/9/2021, số tiền vay là 3.000.000 USD, thời hạn vay từ 01/10/2021 đến hết 31/12/2022, lãi suất vay 0%/năm. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2022 là: 1.929.643,36 USD, tương đương 45.182.599.275 đồng.

- (e): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành theo hợp đồng số 22/2321351-TDH/003 ngày 23 tháng 02 năm 2022. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư tài sản cố định theo Hợp đồng mua sắm hàng hóa số 009/2022/HĐMSHH/TLG-TQEq ngày 15/02/2022 ký giữa Tổng Công ty Thăng Long-CTCP với Công ty Cổ phần Thiết bị Tín Quang và Hợp đồng mua sắm hàng hóa số 010/2022/HĐMSHH/TLG-BM ngày 15/02/2022 ký giữa Tổng Công ty Thăng Long - CTCP với Công ty Cổ phần Thiết bị Đầu tư Bình Minh. Thời hạn mỗi khoản vay là 72 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo từ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là 10 xe lu theo Hợp đồng thế chấp số 22/2321351- HĐTD ngày 23/02/2022.
- (f): Khoản vay Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội theo hình thức thuê tài chính căn cứ hợp đồng cho thuê tài chính số 21720000347/HĐCTTC ngày 18/12/2020 để thuê tài sản là Cần trục bánh lốp SANY. Thời hạn 48 tháng, lãi suất cho thuê được áp dụng tại thời điểm Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội giải ngân khoản tiền đặt cho bên cung cấp.

Đơn vị tính: VND

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

Thời hạn	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022			Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	557.153.533	111.673.741	445.479.792	600.708.047	155.228.255	445.479.792
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội	557.153.533	111.673.741	445.479.792	600.708.047	155.228.255	445.479.792
Cộng	557.153.533	111.673.741	445.479.792	600.708.047	155.228.255	445.479.792

14. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	298.703.713.006	298.703.713.006	267.639.844.999	267.639.844.999
- Phải trả người bán lĩnh vực xây dựng	296.576.224.482	296.576.224.482	249.628.640.292	249.628.640.292
- Phải trả người bán lĩnh vực khác	2.127.488.524	2.127.488.524	18.011.204.707	18.011.204.707
Cộng	298.703.713.006	298.703.713.006	267.639.844.999	267.639.844.999

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan**Phải trả người bán ngắn hạn**

- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long

Cộng

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
42.512.639.378	42.512.639.378	32.970.738.808	32.970.738.808
21.723.083.640	21.723.083.640	10.789.618.966	10.789.618.966
20.789.555.738	20.789.555.738	22.181.119.842	22.181.119.842
42.512.639.378	42.512.639.378	32.970.738.808	32.970.738.808

15. Người mua trả tiền trước**Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

- Người mua trả tiền trước lĩnh vực xây dựng

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
544.059.351.444	516.533.236.264
544.059.351.444	516.533.236.264
544.059.351.444	516.533.236.264

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	11.425.959.684	-	-	2.781.980.050	14.207.939.734	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.451.818.032	-	-	380.532.240	1.832.350.272	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	192.781.924	515.149.269	456.542.302	-	251.388.891
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	60.972.047	3.052.748.678	1.587.477.901	-	1.526.242.824
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	196.050.656	132.996.739	129.106.394	-	199.941.001
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	13.405.571	13.405.571	-	-
Cộng	12.877.777.716	449.804.627	3.714.300.257	5.349.044.458	16.040.290.006	1.977.572.716

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	92.774.192.384	85.744.226.944
- Chi phí lãi vay	163.958.246	74.288.752
- Trích trước chi phí thi công công trình	92.610.234.138	85.669.938.192
Cộng	92.774.192.384	85.744.226.944

18. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.129.896.651	2.113.870.644
- Doanh thu nhận trước	2.129.896.651	2.113.870.644
Cộng	2.129.896.651	2.113.870.644

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	170.248.859.878	69.052.180.778
- Kinh phí công đoàn	68.572.957	48.216.344
- Bảo hiểm xã hội	235.689.664	185.629.858
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	413.324.280	435.520.180
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	169.531.272.977	68.382.814.396
+ <i>Đội thi công công trình</i>	68.196.675.217	60.009.514.866
+ Ông Lê Tú ^(*)	90.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác	11.334.597.760	8.373.299.530
b. Dài hạn	48.554.266.336	47.903.080.982
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ^(**)	48.554.266.336	47.903.080.982
+ Công ty TNHH BOT Đường 188	13.892.606.661	13.241.421.307
+ Công ty TNHH BOT Yên Lệnh	34.661.659.675	34.661.659.675
Cộng	218.803.126.214	116.955.261.760

(*): Khoản tiền ông Lê Tú chuyển cho Tổng Công ty theo Thỏa thuận đặt cọc số 01/2022/TTĐC/TLG-TCKT ngày 22 tháng 5 năm 2022 về quyền được mua phần vốn góp thuộc sở hữu hiện tại và hình thành trong tương lai của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP tại Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long.

(**): Tiền thu hoàn vốn đầu tư của các dự án BOT chờ quyết toán với các đối tác trong dự án BOT và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	(19.309.768)	19.544.113.527	29.936.836.721	520.624.317.025
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	8.476.814.639	8.476.814.639
Tăng khác (*)	-	-	-	25.145.446	-	-	25.145.446
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(12.830.855.787)	(12.830.855.787)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	5.835.678	19.544.113.527	25.582.795.573	516.295.421.323
Số dư đầu năm nay							
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	2.604.893.650	2.604.893.650
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	(15.158.379)	-	-	(15.158.379)
Số dư cuối kỳ này	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	(9.322.701)	19.544.113.527	28.187.689.223	518.885.156.594

(*): Chênh lệch chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại Campuchia từ đồng ngoại tệ sang VND.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ %	Số đầu năm	Tỷ lệ %
- Vốn góp của Nhà nước	105.000.000.000	25,05	105.000.000.000	25,05
- Vốn góp của các cổ đông khác	314.080.000.000	74,95	314.080.000.000	74,95
Cộng	419.080.000.000	100	419.080.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	419.080.000.000	419.080.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	419.080.000.000	419.080.000.000
- Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.908.000	41.908.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.908.000	41.908.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.908.000	41.908.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	54.300	54.300
+ Cổ phiếu phổ thông	54.300	54.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.853.700	41.853.700
+ Cổ phiếu phổ thông	41.853.700	41.853.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Tổng Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	19.544.113.527	19.544.113.527
Cộng	19.544.113.527	19.544.113.527

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	33.044,99	57.680,49
- JPY	24.109,00	24.109,00

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	404.902.062.380	369.359.119.055
- Doanh thu các hoạt động khác	57.446.607.434	11.524.838.916
Cộng	462.348.669.814	380.883.957.971

Ngoài doanh thu với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.02, Tổng Công ty không còn doanh thu với các bên liên quan khác.

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Giảm giá hàng bán	-	70.041.818
Cộng	-	70.041.818

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	394.965.135.973	363.572.549.846
- Giá vốn các hoạt động khác	48.468.217.595	6.583.371.694
Cộng	443.433.353.568	370.155.921.540

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.334.082.818	4.353.887.125
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.527.798.185	4.037.247.676
Cộng	9.861.881.003	8.391.134.801

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Lãi tiền vay	5.313.482.703	555.444.142
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	286.359.442	-
Cộng	5.599.842.145	555.444.142

06. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Thanh lý công cụ, dụng cụ văn phòng	258.356.579	2.300.000
- Lãi chậm thanh toán	1.177.894.351	1.666.538.410
- Các khoản khác	206.985.501	208.080.992
Cộng	1.643.236.431	1.876.919.402

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Các khoản khác	137.624.854	1.105.470.554
Cộng	137.624.854	1.105.470.554

08. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Chi phí nhân viên quản lý	10.640.137.838	7.267.133.982
- Chi phí vật liệu quản lý	1.684.913	1.776.500
- Chi phí đồ dùng văn phòng	126.938.853	101.170.444
- Chi phí khấu hao TSCĐ	377.809.873	467.789.538
- Thuế, phí và lệ phí	325.088.899	216.340.046
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.029.528.359	6.275.571.707
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.576.884.296	1.693.658.216
Cộng	22.078.073.031	16.023.440.433

09. Chi phí theo yếu tố

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	248.551.128.583	61.887.791.840
- Chi phí nhân công	28.326.341.765	12.384.955.400
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.230.351.600	1.466.917.099
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.476.973.245	32.456.249.547
- Chi phí khác bằng tiền	3.195.900.801	6.855.236.239
- Chi phí thuê phụ	256.257.912.956	284.677.710.076
Cộng	591.038.608.950	399.728.860.201

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến ngày 14 tháng 7 năm 2022, Tổng Công ty đã hoàn thành các thủ tục pháp lý để nhận chuyển nhượng lại phần vốn góp của Mitsui E&C Holding Co., Ltd tại Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long và thực hiện chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long cho ông Lê Tú. Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long là 40.292.533.002 đồng.

Đến ngày 05 tháng 7 năm 2022, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG đã thực hiện giao dịch thành công nắm giữ 50,1% vốn điều lệ của Tổng Công ty và trở thành Công ty mẹ của Tổng Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**02. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đơn vị tính: VND

	Chức vụ	Tổng thu nhập từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	360.000.000
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	360.000.000
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc	255.290.823
Ông Nguyễn Hải Vinh	Phó Tổng Giám đốc	275.845.105
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	329.720.000
Bà Hoàng Thị Hồng Nhung	Phó Tổng Giám đốc	165.000.000
Ông Nguyễn Anh Văn	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000
Ông Phạm Tuấn Vũ	Kế toán trưởng	240.000.000
Cộng		2.045.855.928

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Tasco	Cổ đông nắm giữ 38,61% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Công ty con
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Công ty con
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Công ty con
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long - Mê Kông	Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty TNHH Kết cấu Thép Mitsui - Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Công ty liên doanh, liên kết

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ đã thuyết minh tại mục V.02, các nghiệp vụ khác phát sinh trong kỳ giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

**Từ 01/01/2022
đến 30/6/2022**

Lãi chậm thanh toán

- Công ty Cổ phần Tasco

215.988.420

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04 và V.14 còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Đơn vị tính: VND</i>		
Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long		
- Phải thu ngắn hạn khác	325.000.000	-
Công ty TNHH BOT đường 188		
- Phải thu khác ngắn hạn	720.943.751	720.943.751
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh		
- Phải thu về cho vay dài hạn	45.929.482.185	45.929.482.185
Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui Thăng Long		
- Phải thu ngắn hạn khác	21.909.804.638	-
Cộng nợ phải thu	68.885.230.574	46.650.425.936
Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh		
- Phải trả dài hạn khác	34.661.659.675	34.661.659.675
Công ty TNHH BOT đường 188		
- Phải trả dài hạn khác	13.892.606.661	13.241.421.307
Cộng nợ phải trả	48.554.266.336	47.903.080.982

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong kỳ như sau:

- Lĩnh vực 1: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Lĩnh vực 2: Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, thuê văn phòng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Xây dựng	Hoạt động khác	Cộng
Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	404.902.062.380	57.446.607.434	462.348.669.814
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	410.567.536.177	50.681.851.564	461.249.387.741
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(5.665.473.797)	6.764.755.870	1.099.282.073
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	14.614.309.703	4.294.064	14.618.603.767
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.530.324.787	540.525.148	2.070.849.935
Số dư tại ngày 30/6/2022			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.513.279.001.463	117.264.986.645	1.630.543.988.108
- Tài sản không phân bổ			329.353.996.769
	1.513.279.001.463	117.264.986.645	1.959.897.984.877
Tổng tài sản			
- Nợ phải trả bộ phận	1.374.618.968.898	64.748.534.311	1.439.367.503.209
- Nợ phải trả không phân bổ			1.645.325.074
Tổng nợ phải trả	1.374.618.968.898	64.748.534.311	1.441.012.828.283

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Xây dựng	Hoạt động khác	Cộng
Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	369.289.077.237	11.524.838.916	380.813.916.153
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	371.512.508.000	6.831.163.314	378.343.671.314
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(2.223.430.763)	4.693.675.602	2.470.244.839
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	245.429.764	1.411.031	246.840.795
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.053.939.165	632.897.311	1.686.836.476
Số dư tại ngày 30/6/2021			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.244.632.111.382	7.705.786.258	1.252.337.897.640
- Tài sản không phân bổ			473.110.785.712
Tổng tài sản	1.244.632.111.382	7.705.786.258	1.725.448.683.352
- Nợ phải trả bộ phận	1.195.716.555.009	4.045.763.982	1.199.762.318.991
- Nợ phải trả không phân bổ			1.814.579.287
Tổng nợ phải trả	1.195.716.555.009	4.045.763.982	1.201.576.898.278

Khu vực địa lý :

Tổng Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh ở trong lãnh thổ Việt Nam và ở ngoài lãnh thổ Việt Nam:

	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam (Campuchia)	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	415.098.755.881	47.249.913.933	462.348.669.814
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	1.463.909.869.461	166.634.118.647	1.630.543.988.108
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	13.124.649.496	1.493.954.271	14.618.603.767

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.769.897.214	-	68.542.121.709	-	78.769.897.214	68.542.121.709
Phải thu khách hàng và phải thu khác	450.613.731.846	(157.083.186.243)	398.616.818.695	(157.083.186.243)	293.530.545.603	241.533.632.452
Phải thu về cho vay	58.105.282.185	-	57.845.282.185	-	58.105.282.185	57.845.282.185
Đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn)	24.120.000.000	-	15.120.000.000	-	24.120.000.000	15.120.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn (tiền gửi có kỳ hạn)	20.000.000.000	-	21.888.515.824	-	20.000.000.000	21.888.515.824
Cộng	631.608.911.245	(157.083.186.243)	562.012.738.413	(157.083.186.243)	474.525.725.002	404.929.552.170

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số cuối kỳ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	298.703.713.006	267.639.844.999	298.703.713.006	267.639.844.999
Vay và nợ	275.566.404.508	139.804.843.576	275.566.404.508	139.804.843.576
Chi phí phải trả	92.774.192.384	85.744.226.944	92.774.192.384	85.744.226.944
Các khoản phải trả khác	218.498.863.593	116.721.415.558	218.498.863.593	116.721.415.558
Cộng	885.543.173.491	609.910.331.077	885.543.173.491	609.910.331.077

(*): Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	298.703.713.006	-	-	298.703.713.006
Vay và nợ	264.700.795.104	10.865.609.404	-	275.566.404.508
Chi phí phải trả	92.774.192.384	-	-	92.774.192.384
Các khoản phải trả khác	169.944.597.257	48.554.266.336	-	218.498.863.593
Cộng	826.123.297.751	59.419.875.740	-	885.543.173.491
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	267.639.844.999	-	-	267.639.844.999
Vay và nợ	138.097.171.044	1.707.672.532	-	139.804.843.576
Chi phí phải trả	85.744.226.944	-	-	85.744.226.944
Các khoản phải trả khác	68.818.334.576	47.903.080.982	-	116.721.415.558
Cộng	560.299.577.563	49.610.753.514	-	609.910.331.077

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Giang Thanh

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Vũ



Tổng Giám đốc

Nguyễn Việt Hà